

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**THỦ TƯỚNG
CHÍNH PHỦ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 343/2005/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phát triển
ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2010
(có tính đến năm 2020)**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ Công nghiệp tại các Công văn số 3034/CV-CLH ngày 10 tháng 6 năm 2005, số 552/CV-CLH ngày 13 tháng 10 năm 2005 và ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2010 (có tính đến năm 2020), với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu phát triển đến năm 2010:

a) Xây dựng ngành công nghiệp hóa chất có cơ cấu tương đối hoàn chỉnh, bao gồm các lĩnh vực chủ yếu như phân bón, cao su kỹ thuật và tiêu dùng, hóa chất cơ bản (kể cả hữu cơ và vô cơ), hóa dầu, hóa chất tinh khiết, hóa dược, hóa chất tiêu dùng đáp ứng nhu cầu trong nước, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

b) Từng bước xây dựng ngành công nghiệp hóa chất hiện đại, bước đầu hình thành các khu công nghiệp tập trung, các tổ hợp sản xuất hóa chất có quy mô lớn, sử dụng công nghệ tiên tiến, tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực.

c) Phân đầu đạt tốc độ phát triển 16 - 17%/năm. Tỷ trọng của công nghiệp hóa chất trong cơ cấu công nghiệp toàn quốc đạt 10 - 11% vào năm 2010 và 13 - 14% vào năm 2020.

Các mục tiêu cụ thể:

Các sản phẩm phân bón: đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, thiết bị đối với các nhà máy sản xuất phân lân, phân NPK, phân hữu cơ sinh học, phát triển đa dạng các loại phân hỗn hợp, nâng cao hàm lượng dinh dưỡng, phục vụ nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu. Tập trung vốn đầu tư các nhà máy sản xuất phân đạm từ khí thiên nhiên và từ than, một số nhà máy sản xuất NPK theo công nghệ tiên tiến, nhà máy sản xuất DAP. Đảm bảo cung ứng được 6 - 7 triệu tấn phân bón các loại/năm cho sản xuất nông nghiệp.

Các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật (BVTV): áp dụng công nghệ gia công tiên tiến, tạo ra sản phẩm thân thiện với môi trường, phân đầu đến năm 2010 sản xuất và gia công được 100% nhu cầu các hóa chất BVTV.

Các sản phẩm hóa dầu: theo chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam đã được phê duyệt, đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất các loại nhựa polyethylene (PE), polypropylene (PP), polystyrene (PS), polychlorvinyl (PVC), đảm bảo 50% nhu cầu chất dẻo của cả nước. Đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất sợi polyamid (PA), polyeste (PES), các loại thuốc nhuộm phục vụ công nghiệp dệt - may, đồng thời đáp ứng nguyên liệu cho sản xuất muội than, keo dán, chất hoạt động bề mặt, một số hóa chất hữu cơ cơ bản, các sản phẩm cao su tổng hợp, các dung môi cho sản phẩm sơn,....

Các sản phẩm hóa chất vô cơ cơ bản: đảm bảo đủ axit sulfuric, axit photphoric cho sản xuất phân lân, phân DAP và các ngành kinh tế khác. Đầu tư cơ sở sản xuất xút và soda nhằm phục vụ sản xuất PVC, các chất tẩy rửa tổng hợp và các mặt hàng khác như giấy, alumin. Sản xuất axit nitric để sản xuất thuốc nổ phục vụ cho khai thác mỏ và an ninh quốc phòng. Sản xuất các loại oxyt cho công nghiệp gốm sứ, bột màu cho sơn, nhuộm và các ngành công nghiệp khác.

Các sản phẩm điện hóa: đầu tư chiều sâu các cơ sở sản xuất hiện có, mở rộng năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng dân dụng và phục vụ các ngành công nghiệp, tiếp cận với công nghệ mới để có thể sản xuất các sản phẩm có yêu cầu công nghệ cao, nhất là nguồn điện cho thiết bị điện tử, điện thoại. Phát triển công nghệ chống ăn mòn, công nghệ bảo vệ điện hóa, công nghệ sản xuất các vật liệu phủ chống ăn mòn.

Các sản phẩm khí công nghiệp: bảo đảm cung cấp đủ các loại khí công nghiệp thông thường cho nhu cầu sản xuất trong nước. Tiếp cận với công nghệ cao để đầu tư các cơ sở sản xuất khí hiếm phục vụ nhu cầu trong nước, giảm tỷ lệ nhập khẩu.

Các sản phẩm cao su: đầu tư đổi mới công nghệ và thiết bị hiện có tại các cơ sở sản xuất cao su trong cả nước. Tập trung đổi mới thiết bị và công nghệ để sản xuất lốp ô tô theo công nghệ radian. Đầu tư sản xuất mới mặt hàng cao su kỹ thuật như băng tải cao su công nghiệp, ống dẫn cao su trong y tế, gioăng, đệm, phớt, dây curoa và một số sản phẩm khác.

Các sản phẩm chất tẩy rửa: đáp ứng toàn bộ nhu cầu về sản lượng bột giặt, kem giặt, xà phòng thơm, nước cọ rửa,... cho thị trường trong nước. Đa dạng hóa các loại sản phẩm phù hợp với yêu cầu của người tiêu dùng và thị trường. Sản phẩm sản xuất đạt tiêu chuẩn quốc tế, có khả năng cạnh tranh cao.

Các sản phẩm sơn: bảo đảm nhu cầu các loại sơn thông dụng có chất lượng cao cho nhu cầu trong nước. Tiếp cận với công nghệ mới để sản xuất các loại sơn chất lượng cao, sơn đặc chủng. Phát triển công nghệ sạch trong ngành sơn: Sơn sử dụng dung môi nước, sơn có hàm lượng chất rắn cao,....

Các sản phẩm hóa dược: đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật ban đầu cho các cơ sở công nghiệp hóa dược. Đảm bảo cung cấp phần lớn hóa dược vô cơ và tá dược thông thường. Trước mắt, xây dựng một số cơ sở sản xuất hóa dược hữu cơ phục vụ sản xuất và bào chế các loại thuốc thiết yếu. Sau năm 2010, ứng dụng và phát triển sản xuất hóa dược bằng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ gen.

2. Quy hoạch phát triển các sản phẩm

a) Các sản phẩm phân bón:

- Giai đoạn đến hết năm 2010: đầu tư nhà máy sản xuất phân đạm từ than cám công suất 560.000 tấn/năm. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư nhà máy đạm từ khí tại Cà Mau, công suất 800.000 tấn/năm. Đầu tư nhà máy sản xuất DAP tại Đình Vũ, Hải Phòng. Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất NPK theo công nghệ tổng hợp có công suất 300.000 tấn/năm. Sản xuất supe phốt phát giàu với hàm lượng P_2O_5 từ 28 - 32%. Đầu tư hai nhà máy sản xuất phân bón sunphát amon với công suất tổng cộng 200.000 tấn/năm.

- Giai đoạn 2011 - 2020: nghiên cứu khả năng đầu tư nhà máy thứ hai sản xuất DAP.

b) Các sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật:

- Giai đoạn đến hết năm 2010: đầu tư công nghệ thiết bị để đổi mới công nghệ gia công, sản xuất an toàn và sạch với môi trường. Tổng công suất các dạng gia công mới khoảng 10.000 - 15.000 tấn/năm. Đầu tư thêm hai nhà máy sản xuất hoạt chất công suất khoảng 3.000 tấn/năm và một nhà máy sản xuất chất hoạt động bề mặt công suất 7.000 - 10.000 tấn/năm.

- Giai đoạn từ 2011 - 2020: chọn lọc một số công nghệ thích hợp trong lĩnh vực công nghệ sinh học để triển khai sản xuất ở quy mô lớn hơn.

c) Các sản phẩm hóa dầu: theo Chiến lược phát triển ngành công nghiệp Dầu khí Việt Nam đã được phê duyệt:

- Giai đoạn đến hết năm 2010, hình thành ba cụm công nghiệp lọc - hóa dầu, bao gồm:

+ Cụm công nghiệp lọc - hóa dầu Dung Quất: nhà máy lọc dầu Dung Quất, nhà máy sản xuất PP, nhà máy sản xuất LAB (nguyên liệu cho bột giặt).

+ Cụm công nghiệp sử dụng khí tại Phú Mỹ.

+ Cụm công nghiệp sử dụng khí Tây Nam.

Xây dựng nhà máy lọc dầu số 2 và các nhà máy sản xuất PP, sản xuất PTA cùng cấp cho sản xuất xơ/sợi PET. Nâng công suất của nhà máy sản xuất chất hóa dẻo dibutylphthalat (DOP) từ 30.000 tấn/năm lên 75.000 tấn/năm.

- Giai đoạn từ 2011 - 2020: đầu tư mở rộng sản xuất chất hoạt động bề mặt LAB. Nghiên cứu hình thành tổ hợp cracker lỏng có công suất 600.000 tấn/năm, từ tổ hợp này có thể tạo ra các loại nhựa PE, PP, PVC, PTA và PET.

d) Các sản phẩm hóa chất cơ bản:

Phát triển những cụm nhà máy lớn, gắn với quy hoạch xây dựng các vùng nguyên liệu hoặc các hộ tiêu thụ chính. Đầu tư dự án sản xuất xút, phục vụ cho sản xuất PVC, boxit nhôm, giấy,... Đẩy mạnh việc sản xuất các loại hóa chất số lượng nhỏ, hóa chất tinh và tinh khiết, bao gồm việc nâng cao chất lượng sản phẩm hiện có và đa dạng hóa sản phẩm. Phát triển khai thác các loại tài nguyên như đá vôi, quặng apatit, quặng boxit, quặng imenhit, nước biển, muối mỏ kali... phục vụ sản xuất hóa chất cơ bản. Nhập kỹ thuật để sản xuất các loại hóa chất cơ bản đòi hỏi công nghệ phức tạp.

đ) Các sản phẩm điện hóa:

- Giai đoạn đến hết năm 2010: nâng cao chất lượng sản phẩm để có thể đạt tiêu

chuẩn quốc tế. Nâng sản lượng ắc quy lên 1,5 đến 1,9 triệu KWh/năm. Tăng sản lượng pin truyền thống lên đạt 500 - 800 triệu viên/năm. Nghiên cứu sản xuất một số loại pin chuyên dụng cao cấp.

- Giai đoạn từ 2011 - 2020: nghiên cứu để phát triển và nâng cao chất lượng các nguồn điện mới, phục vụ cho các yêu cầu của thị trường về nguồn điện sạch, như các loại pin Ion-Li, ắc quy cho ô tô điện và ô tô lai điện.

e) Các sản phẩm khí công nghiệp:

- Giai đoạn đến hết năm 2010: tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế cùng đầu tư phát triển các sản phẩm khí công nghiệp, đặc biệt là oxy và nitơ vì các sản phẩm này rất đa dạng về cấp chất lượng. Tranh thủ thu hút vốn đầu tư nước ngoài để sản xuất các loại khí hiếm đòi hỏi công nghệ cao và vốn đầu tư lớn.

Đầu tư mở rộng sản xuất một số nhà máy hiện có đồng thời đầu tư nhà máy sản xuất nitơ lỏng đi kèm với dự án điện - đạm Cà Mau, nhà máy sản xuất oxy - nitơ lỏng đi kèm với dự án điện - đạm Phú Mỹ, nhà máy sản xuất khí công nghiệp tại phía Bắc.

- Giai đoạn từ 2011 - 2020: đầu tư dây chuyền công nghệ sản xuất khí hiếm để có thể xuất khẩu.

g) Các sản phẩm cao su:

- Giai đoạn đến hết năm 2010: tập trung đổi mới thiết bị và công nghệ cho các nhà máy sản xuất săm lốp ô tô theo công nghệ radian. Đầu tư mở rộng nâng công suất để có năng lực sản xuất 2,3 triệu lốp ô tô/năm. Đầu tư xây dựng một số nhà máy sản xuất nguyên liệu như dây tanh, sợi bố thép và than đen. Xây dựng nhà máy sản xuất cao su kỹ thuật: băng tải, dây curoa và nhà máy sản xuất lốp ô tô có công suất 2 - 3 triệu bộ/năm, nhà máy sản xuất các sản phẩm cao su từ mủ latex tự nhiên như găng tay cao su, ống dẫn cao su dùng trong y tế và công nghiệp.

- Giai đoạn từ 2011 - 2020: phát triển mạnh sản xuất các sản phẩm lốp ô tô theo công nghệ radian với quy mô lớn và các sản phẩm khác như băng tải cao su, dây curoa... theo công nghệ hiện đại, bảo đảm chất lượng cao, phục vụ xuất khẩu.

h) Các sản phẩm chất tẩy rửa:

- Giai đoạn đến hết năm 2010: đáp ứng đủ toàn bộ nhu cầu về bột giặt, kem giặt, xà phòng thơm, nước cọ rửa cho thị trường trong nước. Đầu tư một nhà máy LAB công suất 30.000 tấn/năm cung cấp cho các cơ sở sản xuất LAS. Nghiên cứu đầu tư một hoặc hai nhà máy sản xuất hóa mỹ phẩm cao cấp.

- Giai đoạn từ 2011 - 2020: trên cơ sở phát triển của công nghiệp hóa dầu, nghiên cứu sản xuất một số chủng loại chất hoạt động bề mặt khác.

i) Các sản phẩm sơn:

- Giai đoạn đến hết năm 2010: chủ yếu đầu tư mở rộng, đồng thời đầu tư mới cho sơn công nghiệp và sơn đặc chủng như sơn cách điện, sơn tàu thủy, sơn giao thông,... Lựa chọn sản phẩm theo xu thế: giảm độc tố chì, đi dần vào sơn bột, phát triển sơn điện di, sơn nhũ tương. Tập trung đầu tư 1 - 2 cơ sở sản xuất để sản xuất nhựa alkyd, nhựa acrylic, nhựa epoxy và một số loại nhựa khác cho ngành sản xuất sơn.

- Giai đoạn từ 2011 - 2020: đầu tư một số cơ sở chuyên sản xuất các loại sơn có chất lượng cao phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

k) Các sản phẩm hóa dược:

- Giai đoạn đến hết năm 2010: đầu tư công nghệ hiện đại, đổi mới trang thiết bị và quản lý để ngành công nghiệp dược từng bước đáp ứng nguồn nguyên liệu làm thuốc. Xây dựng cơ sở sản xuất kháng sinh và hóa dược. Từ nay đến năm 2010, đầu tư nhà máy sản xuất hóa dược vô cơ và tá dược thông thường, nhà máy chiết xuất dược liệu và bán tổng hợp, nhà máy liên doanh sản xuất hóa dược, nhà máy liên doanh tá dược cao cấp và nhà máy sản xuất thuốc kháng sinh.

- Giai đoạn từ 2011 - 2020: tập trung vào các hướng sau: kháng sinh và kháng khuẩn, các vitamin, các thuốc hạ nhiệt giảm đau, các thuốc tim mạch, tiểu đường, các thuốc phòng dịch. Trên cơ sở phát triển công nghiệp hóa chất và hóa dầu, tăng cường các cơ sở sản xuất hóa chất trung gian cho công nghiệp dược, đồng thời phục vụ cho sản xuất thuốc thú y, chất điều hòa sinh trưởng.

3. Các dự án đầu tư chủ yếu của ngành công nghiệp hóa chất

Các dự án đầu tư chủ yếu được nêu trong phụ lục kèm theo Quyết định này.

4. Hệ thống các giải pháp và chính sách thực hiện quy hoạch

Để bảo đảm đầu tư tập trung, hiệu quả, căn cứ theo cơ cấu sản phẩm và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm, chia các sản phẩm hóa chất thành ba nhóm như sau:

- Nhóm các sản phẩm mà nhà nước cần trực tiếp đầu tư (nhóm I), gồm: sản xuất phân đạm, phân lân (kể cả DAP), sản xuất các chế phẩm bảo vệ thực vật, sản xuất các sản phẩm hóa dầu, sản xuất các loại hóa chất cơ bản với số lượng lớn, khai thác nguyên liệu phục vụ sản xuất phân bón.

- Nhóm các sản phẩm cần nhà nước ưu đãi đầu tư (nhóm II), gồm: sản xuất các loại dược liệu, sản xuất các sản phẩm cao su, khai thác và chế biến các loại nguyên liệu khác, sản xuất một số loại hóa chất cơ bản khác phục vụ sản xuất công nghiệp.

- Nhóm các sản phẩm khác (nhóm III), gồm: sản xuất các sản phẩm phân bón NPK, phân hữu cơ vi sinh, sản xuất các sản phẩm điện hóa, sản xuất các sản phẩm khí công nghiệp, sản xuất các sản phẩm chất tẩy rửa, sản xuất các sản phẩm sơn, sản xuất các sản phẩm hóa chất khác.

a) Các giải pháp về tài chính, tín dụng: giải pháp chung về tài chính và tín dụng là khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các thành phần kinh tế đầu tư phát triển ngành công nghiệp hóa chất theo khả năng có thể. Có các ưu đãi cụ thể và ổn định nhằm tạo ra môi trường hấp dẫn các nhà đầu tư, đặc biệt là đầu tư nước ngoài. Vốn nhà nước được tập trung cho những công trình trọng điểm.

b) Các giải pháp về thị trường: hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm ngăn chặn việc nhập khẩu sản phẩm kém chất lượng, không an toàn, gây ô nhiễm hoặc hóa chất có tác hại đến sức khỏe cộng đồng. Tăng cường chống hàng nhái, hàng giả và hàng nhập lậu. Thông qua các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài, các đoàn công tác của Chính phủ giúp các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường và bán hàng xuất khẩu.

c) Các giải pháp về thu hút đầu tư nước ngoài: tạo ra môi trường hấp dẫn đối với các nhà đầu tư, tập trung vào lĩnh vực xuất khẩu và công nghệ cao. Tạo ra nhiều cơ hội, có những ưu đãi ổn định để thu hút vốn vào các ngành được xếp vào nhóm II.

d) Các giải pháp về khoa học - công nghệ: thực hiện một số chương trình, dự án khoa học - công nghệ (KH-CN) trọng điểm về phân bón, khai thác sử dụng có hiệu quả quặng apatit, các sản phẩm cao su, các sản phẩm hóa dầu, công nghệ về nguồn điện hóa và công nghệ về hóa chất bảo vệ thực vật. Tạo lập thị trường KH-CN, tổ chức tốt công tác nghiên cứu triển khai và mạng lưới các tổ chức nghiên cứu triển khai ba tầng: nghiên cứu cơ bản tại các trường đại học và các viện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu triển khai công nghệ ở cấp tổng công ty và nghiên cứu áp dụng và hoàn thiện các công nghệ được chuyển giao tại các doanh nghiệp.

Trong việc triển khai các dự án, chương trình KH-CN, cần đặc biệt chú ý tới các giải pháp về môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

đ) Các giải pháp về tổ chức quản lý: tăng cường vai trò quản lý nhà nước của các Bộ, ngành đối với nhóm sản phẩm nhạy cảm là phân bón, thuốc BVTV và các sản phẩm hóa dược. Sắp xếp, đổi mới hoạt động đối với các doanh nghiệp nhà nước thuộc nhóm III và một số doanh nghiệp thuộc nhóm II.

0969933333
Tel: +84-9-3845 6684
www.TruYeuPhapLuat.com
LAW Soft

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Bộ Công nghiệp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và các địa phương tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển ngành công nghiệp hóa chất Việt Nam đến năm 2010 (có tính đến năm 2020).

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công nghiệp xây dựng các chính sách tài chính ưu đãi đặc thù cho các sản phẩm thuộc nhóm I và các dự án hóa chất cơ bản, cao su thuộc nhóm II có quy mô của dự án đầu tư thuộc nhóm A.

- Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Công nghiệp chỉ đạo Tổng công ty Dược Việt Nam và Tổng công ty Hóa chất Việt Nam xây dựng kế hoạch phát triển ngành hóa dược.

- Bộ Giao thông vận tải phối hợp với Bộ Công nghiệp xây dựng các phương án phát triển giao thông vận tải đồng bộ phục vụ cho ngành công nghiệp hóa chất gồm cả vận tải nguyên nhiên liệu, sản phẩm, thiết bị phục vụ cho nhà máy trong quá trình xây dựng.

- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Thương mại, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Y tế, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban hỗ trợ phát triển... theo chức năng được giao, phối hợp để xử lý theo đề xuất của cơ quan chủ trì.

- Tổng công ty Hóa chất Việt Nam chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch chi tiết phát triển các nhóm sản phẩm phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật, cao su, điện hóa, khí công nghiệp, sản phẩm chất tẩy rửa, sơn.

- Tổng công ty Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch chi tiết phát triển sản phẩm phân đạm từ khí, đồng thời phối hợp với Tổng công ty Hóa chất Việt Nam và các cơ quan liên quan phát triển các sản phẩm hóa dầu.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương cụ thể hóa quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Phan Văn Khải

PHỤ LỤC SỐ 1
TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO NHÓM
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 343/2005/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)*

A. Các dự án nhóm I

Phương án 1

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
- GIAI ĐOẠN ĐẾN 2010:			
• Các dự án sản xuất phân bón			
1	Nhà máy đạm Cà Mau	Cà Mau	800
2	Nhà máy DAP 1 (Đang triển khai)	Đình Vũ Hải Phòng	330
3	Nâng công suất nhà máy đạm Hà Bắc (Giai đoạn I - Đang triển khai) (Giai đoạn II - Xây dựng mới)	Bắc Giang	150 - 180 300 - 320
4	Nâng công suất sản xuất phân lân chế biến (Đang triển khai)	Các cơ sở hiện có	1.800
5	Nhà máy đạm từ than (Nghiên cứu khả thi)	Ninh Bình	560
6	Nhà máy sunfat amôn (Đang triển khai)	Hải Phòng	100
7	Nhà máy tuyển quặng apatít (Đang triển khai)	Lào Cai	400
8	Nhà máy sản xuất nitorát amôn (Phục vụ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp) (phương án)	Vĩnh Phúc	20
9	NM khai thác tuyển quặng và chế biến muối clorua (Nghiên cứu tiền khả thi)	Trung Lào	500 KCl
• Các dự án sản xuất hóa chất BVTV			
1	Đổi mới công nghệ ở các cơ sở hiện có (Đang triển khai)	Các cơ sở hiện có	10 - 15
2	Nhà máy sản xuất hoạt chất (Phương án)	Miền Nam	3

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.LuuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
3	Nhà máy sản xuất hoạt chất (Phương án)	Miền Bắc	3
4	Nhà máy sản xuất chất hoạt động bề mặt (Phương án)	Dung Quất hoặc Thanh Hóa	7 - 10
• Các dự án hóa dầu (đơn vị: triệu USD)			
1	Liner Akyl Benzen (LAB)	Dung Quất	30
2	Polyester (PET) 2	Miền Nam	130
3	Polystyren (PS)	Miền Bắc	60
4	Muội than	Miền Trung	50
5	Nhà máy lọc dầu số 2	Nghi Sơn	7.000
6	Phtalic Acid Pure (PTA)	Nghi Sơn	225
7	Nhựa đường	Nghi Sơn	500
8	DOP (mở rộng)	Đồng Nai	75
9	Thuốc nhuộm	Miền Nam	1
10	Dung môi dầu hòa	Miền Nam	50
11	Formalin	Miền Nam	50
12	Styen monomer (SM)	Miền Nam	200
13	Nhựa Melamin	Miền Nam	40
• Các dự án sản xuất HCCB lượng lớn			
1	Nhà máy sản xuất soda (Giai đoạn I) (Phương án)	Miền Trung hoặc miền Bắc	200
Tổng vốn đầu tư vào nhóm I Giai đoạn đến 2010 (ước tính)		21.956,45 tỷ VNĐ và 3.180 triệu USD	
- GIAI ĐOẠN SAU 2010:			
• Các dự án sản xuất phân bón			
1	Nhà máy ammonia và urê (Phương án)	Miền Bắc	480 NH ₃ 560 Urê
2	Nhà máy DAP 2 (Phương án)	Hải Phòng (mở rộng) hoặc một tỉnh miền Bắc	330
3	Nhà máy sản xuất nitơrat amôn (Phương án) (phục vụ sản xuất vật liệu nổ CN)	Miền Bắc	30

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
• Các dự án hóa dầu (Đơn vị: triệu USD)			
1	Liner Akyl Benzen LAB (mở rộng) (Phương án)	Dung Quất	60
2	Polyester (PET) 3 (Phương án)	Miền Bắc	150
3	Cao su tổng hợp (Phương án)	Dung Quất hoặc Thanh Hóa	40 (SBR) 50 (TSBR)
4	Nhà máy lọc dầu số 2 (Giai đoạn II) (Phương án)	Nghi Sơn Thanh Hóa	7.000
5	Nhà máy lọc dầu số 3 (Phương án)	Miền Nam	7.000
6	Ethylene (Phương án)	Miền Nam	600
7	Polyethylen (PE) (Phương án)	Miền Nam	450
8	Polypropylen (PP) (Phương án)	Miền Nam	340
9	Poly Vinyl Clorua (PVC) (Phương án)	Miền Nam	300
10	Phtalic Acid pure (PTA) (Phương án)	Miền Nam	320
11	Polyester (PET) (Phương án)	Miền Nam	370
12	Polyestyren (PS) (hoặc PS mở rộng) (Phương án)	Miền Nam hoặc miền Bắc	60 (hoặc 120)
13	Etylen Diclorua/Vinyl Clorid Monomer (EDC/VCM) (Phương án)	Miền Nam	300
14	Metanol (Phương án)	Bà Rịa - Vũng Tàu	660

09699132

LawSoft * Tel: +84 8 3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
• Các dự án sản xuất HCCB lượng lớn			
1	Nhà máy sản xuất soda (Giai đoạn II) (Phương án)	Miền Trung hoặc miền Bắc	200
2	Nâng công suất nhà máy xút - clo - EDC/ VCM	Miền Trung	200
Tổng vốn đầu tư vào nhóm I Giai đoạn 2011 - 2020 (Ước tính)		14.350 tỷ VNĐ và 6.790 triệu USD	

B. Các dự án nhóm II

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
- GIAI ĐOẠN ĐẾN 2010:			
• Các dự án sản xuất HCCB khác			
1	Cải tạo nâng công suất xút Việt Trì (Đang triển khai)	Phú Thọ	>10
2	Cải tạo nâng công suất xút Biên Hòa - Giai đoạn II (Phương án)	Đồng Nai	30
3	Cải tạo nâng công suất xút và axit HCl của Công ty Vedan (Đang triển khai)	Đồng Nai	80
4	Sản xuất hydroxit nhôm (Báo cáo khả thi)	Bảo Lộc	100
• Các dự án sản xuất sản phẩm cao su			
1	Mở rộng các cơ sở sản xuất lốp ô tô hiện có (Đang triển khai)	Các cơ sở hiện có	1 triệu bộ/DN/năm
2	Đầu tư củng cố chất lượng, đổi mới CN và thiết bị tại các cơ sở hiện có (Đang triển khai)	Các cơ sở hiện có	
3	Đổi mới CN sản xuất lốp ô tô theo CN radian và sản xuất băng tải dùng bố thép và cao su tổng hợp (Đang triển khai)	Các cơ sở sản xuất lốp ô tô và cao su kỹ thuật	

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
4	Nhà máy sản xuất lõi thép tanh và sợi bó thép (Đang triển khai)	Miền Trung hoặc miền Bắc	12.000 tấn/năm
5	Nhà máy sản xuất lốp ô tô CN radian (Nghiên cứu tiền khả thi)	Miền Trung hoặc Đông Nam Bộ	2 triệu bộ/năm
6	Nhà máy sản xuất băng tải (Phương án)	Miền Bắc	500.000 m ² /năm
7	Nhà máy sản xuất dây curoa (Phương án)	Miền Nam	1 triệu m/năm
8	Nhà máy sản xuất cao su kỹ thuật (Phương án)	Miền Bắc, miền Trung hoặc miền Nam	1 triệu sphâm/năm
9	Nhà máy sản xuất sản phẩm từ cao su latex (găng tay, ống dẫn, đệm nút) (P/án)	Miền Trung hoặc Đông Nam Bộ	10.000 tấn sphâm/năm
10	Nhà máy sản xuất sảm lốp xe máy (Phương án)	Đồng Nai	3,3 tr. bộ/n
11	Nhà máy sản xuất găng tay cao su (Phương án)	Bình Dương	650 triệu bộ/n
12	Nhà máy sản xuất sảm lốp xe máy (Phương án)	Bình Phước	1 tr. bộ/n
• Các dự án sản xuất sản phẩm hóa dược. (Đơn vị: triệu USD)			
1	Nhà máy SX hóa dược vô cơ và tá dược thông thường (Đang triển khai)	Việt Trì, Phú Thọ	200 - 400 T/n
2	Nhà máy chiết xuất dược liệu và bán tổng hợp (Nghiên cứu tiền khả thi)	Miền Bắc hoặc miền Trung	350 - 400 T/n
3	Nhà máy sản xuất hóa dược (Phương án)	Hà Nội	300 - 1.000 T/n
4	Nhà máy sản xuất tá dược cao cấp (Phương án)	Miền Trung hoặc miền Nam	100 T/n

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
5	Nhà máy sản phẩm kháng sinh - Giai đoạn I: (Báo cáo khả thi) - Giai đoạn II: (Phương án)	Phía Bắc	100T cefalexin, 60T cefadroxi, 30T ceftadin và 10T ceftadin natri (tiêm). Các loại kháng sinh tổng hợp.
Tổng vốn đầu tư vào nhóm II Giai đoạn đến 2010 (Ước tính)		6.148 tỷ VNĐ và 125 triệu USD	
- GIAI ĐOẠN SAU 2010:			
1	Nhà máy sản xuất lốp ô tô công nghệ radian (Phương án)	Miền Trung	12 - 15 triệu bộ/năm
2	Nhà máy sản xuất băng tải và dây curoa (Phương án)	Miền Bắc hoặc miền Nam	Băng tải: 1tr m ² /n dây curoa: 3tr m/n
Tổng vốn đầu tư vào nhóm II Giai đoạn 2011 - 2020 (Ước tính)		8.500 tỷ VNĐ	

C. Các dự án nhóm III

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
- GIAI ĐOẠN ĐẾN 2010:			
• Các dự án sản xuất sản phẩm pin, ắc quy			
1	Mở rộng các cơ sở sản xuất (Đang triển khai)	Cty Pin - Ắc quy miền Nam	600.000 KWh 250 - 350 tr. viên
2	Mở rộng cơ sở sản xuất (Đang triển khai)	Cty Ắc quy tia sáng Hải Phòng	300.000 KWh

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
3	Đầu tư công nghệ sản xuất MnO ₂ điện giải (Phương án)	Cty Pin -Ắc quy miền Nam	2.000 tấn/năm
4	Đầu tư sản xuất pin nhiên liệu rắn (Phương án)	CtyẮc quy tia sáng Hải Phòng	200.000 SP/năm
5	Đầu tư sản xuất pin NiMH hoặc pin ion-Li (Phương án)	Cty Pin -Ắc quy miền Nam hoặc Cty Pin Hà Nội	1 - 1,5 triệu SP/năm
6	Dự án sản xuất ắc quy kiềm (Phương án)		
• Các dự án sản xuất sản phẩm khí công nghiệp (đơn vị: Nm³/h)			
1	Mở rộng Cty Sovigaz (Đang triển khai) - Dây chuyền sản xuất khí công nghiệp - Dây chuyền sản xuất khí công nghiệp - Dây chuyền sản xuất khí công nghiệp - Dây chuyền sản xuất khí công nghiệp	Bình Dương Đà Nẵng Cần Thơ Hải Phòng	1.500 3.000 1.500 2.000
2	Nhà máy sản xuất nitơ lỏng (Phương án)	Cà Mau	2.000 - 3.000
3	2 Nhà máy sản xuất nitơ lỏng (Đang triển khai)	Phú Mỹ - Bà Rịa - Vũng Tàu	2.000 - 3.000
4	Nhà máy sản xuất ôxy lỏng và nitơ lỏng (Phương án)	Dung Quất	1.500 - 2.000
5	Một số nhà máy sản xuất khí công nghiệp (Phương án)	Hải Phòng Bắc Ninh	50.000
6	Dây chuyền CO ₂ rắn, lỏng (Phương án)	Bắc Giang	7.000 T/n
7	Dây chuyền CO ₂ rắn, lỏng (Phương án)	Bà Rịa - Vũng Tàu	
• Các dự án sản xuất sản phẩm chất tẩy rửa (đơn vị: T/năm)			
1	Mở rộng các cơ sở sản xuất hiện có theo nhu cầu (Đang triển khai)	Các cơ sở hiện có	Tăng theo nhu cầu

09699132

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
2	Đầu tư cơ sở sản xuất hóa mỹ phẩm cao cấp (Phương án)	Miền Bắc hoặc miền Nam	10
3	Đầu tư cơ sở sản xuất LAB - Giai đoạn I (Đang triển khai)	Cụm hóa dầu Dung Quất	60
• Các dự án sản xuất sản phẩm sơn			
1	Mở rộng các cơ sở sản xuất hiện có theo nhu cầu (Đang triển khai)	Các cơ sở hiện có	Theo nhu cầu
2	Khôi phục các cơ sở chế biến dầu trẩu (Phương án)	Cao Bằng, Lai Châu, Lạng Sơn	
3	Nhà máy sản xuất sơn giao thông (Đang triển khai)	Hải Phòng	6
4	Nhà máy sản xuất sơn và chất chống thấm (Phương án)	Khu CN Hòa Khánh Đà Nẵng	10
5	Nhà máy sản xuất sơn cao cấp (Bao gồm cả sơn kỹ thuật và sơn trang trí) (Phương án)	Quảng Ninh	2
6	Nhà máy sản xuất sơn cao cấp (Bao gồm cả sơn kỹ thuật và sơn trang trí) (Phương án)	Thừa Thiên - Huế	10
7	Nhà máy sản xuất sơn tĩnh điện cao cấp (Phương án)	Quảng Nam	3
8	Nhà máy sản xuất nguyên liệu nhựa alkyd, acrylic (Phương án)	Cụm hóa dầu Dung Quất hoặc Thanh Hóa	20
Tổng vốn đầu tư vào nhóm III Giai đoạn đến 2010 (Ước tính)		3.799 tỷ VNĐ - 4.004 tỷ VNĐ	

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
GIAI ĐOẠN SAU 2010:			
• Các dự án sản xuất pin - ắc quy			
1	Đầu tư sản xuất pin Ion-Li (Phương án)	Cty Pin - Ắc quy miền Nam, hoặc Cty Pin Hà Nội	5 triệu sản phẩm/năm
2	Đầu tư sản xuất ắc quy cho ô tô lai điện và ô tô điện (Phương án)	Cty Pin - Ắc quy miền Nam hoặc Cty Ắc quy tia sáng Hải Phòng	500.000 KWh
Tổng vốn đầu tư vào nhóm III Giai đoạn 2011 - 2020 (Ước tính)		550 tỷ VNĐ - 700 tỷ VNĐ	

PHỤ LỤC SỐ 2
TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO NHÓM
(Ban hành kèm theo Quyết định số 343/2005/QĐ-TTg
ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)

A. Các dự án nhóm I**Phương án 2**

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
- GIAI ĐOẠN ĐẾN 2010:			
• Các dự án sản xuất phân bón			
1	Nhà máy đạm Cà Mau	Cà Mau	800
2	Nhà máy DAP 1 (Đang triển khai)	Đình Vũ Hải Phòng	330
3	Nhà máy đạm Hà Bắc (Giai đoạn II - xây mới - Phương án)	Bắc Giang	300 - 320
4	Nhà máy đạm từ than (Nghiên cứu khả thi)	Ninh Bình	560
5	Nhà máy sunfat amôn (Đang triển khai)	Hải Phòng	100
6	Nhà máy tuyển quặng apatít (Đang triển khai)	Bắc Nhạc Sơn Lào Cai	400
7	Nhà máy sản xuất nitơrat amôn (phục vụ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp) (Phương án)	Vĩnh Phúc	20
8	Nhà máy khai thác tuyển quặng và chế biến muối clorua (Nghiên cứu tiền khả thi)	Trung Lào	500(KCl)
• Các dự án sản xuất hóa chất BVTV			
1	Nhà máy sản xuất hoạt chất (Phương án)	Miền Nam	3
2	Nhà máy sản xuất hoạt chất (Phương án)	Miền Bắc	3

09699132

LawSoft - Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
3	Nhà máy sản xuất chất hoạt động bề mặt (Phương án)	Dung Quất hoặc Thanh Hóa	7 - 10
• Các dự án hóa dầu (Đơn vị: triệu USD)			
1	Liner Akyl Benzen (LAB)	Dung Quất	30
2	Polyester (PET) 2	Miền Nam	130
3	Polystyren (PS)	Miền Bắc	60
4	Muội than	Miền Trung	50
5	Nhà máy lọc dầu số 2	Nghi Sơn	7.000
6	Phtalic Acid Pure (PTA)	Nghi Sơn	225
7	Nhựa đường	Nghi Sơn	500
8	DOP (mở rộng)	Đông Nai	75
9	Thuốc nhuộm	Miền Nam	1
10	Dung môi dầu hỏa	Miền Nam	50
11	Formalin	Miền Nam	50
12	Styren Monomer (SM)	Miền Nam	200
13	Nhựa melamin	Miền Nam	40
• Các dự án sản xuất HCCB lượng lớn			
1	Nhà máy sản xuất soda (Giai đoạn 1) (Phương án)	Miền Trung hoặc miền Bắc	200
Tổng vốn đầu tư vào nhóm I Giai đoạn đến 2010 (Ước tính)		21.656 tỷ VNĐ và 3.180 triệu USD	
- GIAI ĐOẠN SAU 2010:			
• Các dự án sản xuất phân bón			
1	Nhà máy ammonia và urê (Phương án)	Miền Bắc	480 NH ₃ 560 Urê
2	Nhà máy DAP 2 (Phương án)	Hải Phòng (mở rộng) hoặc một tỉnh miền Bắc	330

Số thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
3	Nhà máy sản xuất nitorát amôn (Phương án)	Miền Bắc	30
• Các dự án hóa dầu (Đơn vị: triệu USD)			
1	Cao su tổng hợp (Phương án)	Dung Quất hoặc Thanh Hóa	40 SBR 50 TSBR
2	Nhà máy lọc dầu số 2 (Giai đoạn II) (Phương án)	Nghi Sơn Thanh Hóa	7.000
3	Nhà máy lọc dầu số 3 (Phương án)	Miền Nam	7.000
4	Ethylene (Phương án)	Miền Nam	600
5	Polyethylen (PE) (Phương án)	Miền Nam	450
6	Polypropylen (PP) (Phương án)	Miền Nam	340
7	Poly Vinyl Clorua (PVC) (Phương án)	Miền Nam	300
8	Phtalic Acid pure (PTA) (Phương án)	Miền Nam	320
9	Polyester (PET) (Phương án)	Miền Nam	370
10	Polystyren (PS) (Phương án) (hoặc PS mở rộng)	Miền Nam hoặc miền Bắc	60 (hoặc 120)
11	Etylen Diclorua/Vinyl Clorid Monomer EDC/VCM (Phương án)	Miền Nam	300
12	Metanol (Phương án)	Bà Rịa - Vũng Tàu	660
• Các dự án sản xuất HCCB lượng lớn			
1	Nhà máy sản xuất soda (Giai đoạn II) (Phương án)	Miền Trung hoặc miền Bắc	200
2	Nâng công suất NM xút - clo - EDC/VCM (Phương án)	Miền Trung	300
Tổng vốn đầu tư vào nhóm I Giai đoạn 2011 - 2020 (Ước tính)		14.440 tỷ VNĐ và 6.535 triệu USD	

09699132

LawSoft - Tel: 84-6-3645 6684 - www.luvienphapluat.com

B. Các dự án nhóm II

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
- GIAI ĐOẠN ĐẾN 2010:			
• Các dự án sản xuất HCCB khác			
1	Sản xuất hydroxit nhôm (Báo cáo khả thi)	Bảo Lộc	100
• Các dự án sản xuất sản phẩm cao su			
1	Nhà máy sản xuất lõi thép tanh và sợi bố thép (Đang triển khai)	Miền Trung hoặc miền Bắc	12.000 tấn/năm
2	Nhà máy sản xuất lốp ô tô công nghiệp radian (Nghiên cứu tiền khả thi)	Miền Trung hoặc Đông Nam Bộ	2 triệu bộ/năm
3	Nhà máy sản xuất băng tải (Phương án)	Miền Bắc	500.000 m ² /năm
4	Nhà máy sản xuất dây curoa (Phương án)	Miền Nam	1 triệu m/năm
5	Nhà máy sản xuất cao su kỹ thuật (Phương án)	Miền Bắc, miền Trung hoặc miền Nam	1 triệu sản phẩm/năm
6	Nhà máy sản xuất sản phẩm từ cao su latex (găng tay, ống dẫn, đệm mút) (Phương án)	Miền Trung hoặc Đông Nam Bộ	10.000 tấn sản phẩm/năm
7	Nhà máy sản xuất săm lốp xe máy (Phương án)	Đồng Nai	3,3 triệu bộ/năm
8	Nhà máy sản xuất săm lốp xe máy (Phương án)	Bình Phước	1 triệu bộ/năm
• Các dự án sản xuất sản phẩm hóa dược. (Đơn vị: triệu USD)			
1	Nhà máy sản xuất hóa dược vô cơ và tá dược thông thường (Đang triển khai)	Việt Trì, Phú Thọ	200 - 400 T/năm

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
2	Nhà máy chiết xuất dược liệu và bán tổng hợp (Nghiên cứu tiền khả thi)	Miền Bắc hoặc miền Trung	350 - 400 T/năm
3	Nhà máy sản xuất hóa dược (Phương án)	Hà Nội	300 - 1.000 T/năm
4	Nhà máy sản xuất tá dược cao cấp (Phương án)	Miền Trung hoặc miền Nam	100 T/năm
5	Nhà máy sản phẩm kháng sinh - Giai đoạn I: (Báo cáo khả thi) - Giai đoạn II: (Phương án)	Phía Bắc	100T/năm cefalexin, 60T/năm cefadroxi, 30T/năm cefradin và 10T/năm cefradin natri (tiêm). Các loại kháng sinh tổng hợp.
Tổng vốn đầu tư vào nhóm II Giai đoạn đến 2010 (Ước tính)		3.915 tỷ VNĐ và 125 triệu USD	
- GIAI ĐOẠN SAU 2010:			
1	Nhà máy sản xuất lớp ô tô công nghệ radian (Phương án)	Miền Trung	12-15 triệu bộ/năm
2	Nhà máy sản xuất băng tải và dây curoa (Phương án)	Miền Bắc hoặc miền Nam	Băng tải: 1 tr m ² /n Dây curoa: 3tr m/năm
Tổng vốn đầu tư vào nhóm II Giai đoạn 2011 - 2020 (Ước tính)		8.500 tỷ VNĐ	

C. Các dự án nhóm III

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
- GIAI ĐOẠN ĐẾN 2010:			
• Các dự án sản xuất sản phẩm pin, ắc quy			
1	Đầu tư công nghệ sản xuất MnO ₂ điện giải (Phương án)		2.000 tấn/năm
2	Đầu tư sản xuất pin nhiên liệu rắn (Phương án)	Cty Ắc quy tia sáng Hải Phòng	200.000 SP/năm
3	Dự án sản xuất ắc quy kiềm (Phương án)		
• Các dự án sản xuất sản phẩm khí công nghiệp			
1	Nhà máy sản xuất nitơ lỏng (Phương án)	Cà Mau	2.000 - 3.000
2	2 nhà máy sản xuất nitơ lỏng (Đang triển khai)	Phú Mỹ Bà Rịa - Vũng Tàu	2.000 - 3.000
3	Nhà máy sản xuất ôxy lỏng và nitơ lỏng (Phương án)	Dung Quất	1.500 - 2.000
4	Một số nhà máy sản xuất khí công nghiệp (Phương án)	Hải Phòng Bắc Ninh	50.000
• Các dự án sản xuất sản phẩm chất tẩy rửa			
1	Đầu tư cơ sở sản xuất LAB - Giai đoạn I (Đang triển khai)	Cụm hóa dầu Dung Quất	30
• Các dự án sản xuất sản phẩm sơn			
1	Nhà máy sản xuất sơn và chất chống thấm (Phương án)	Khu CN Hòa Khánh Đà Nẵng	10
2	Nhà máy sản xuất sơn cao cấp (Bao gồm cả sơn kỹ thuật và sơn trang trí) (Phương án)	Quảng Ninh	2

097631132

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.luvienphapluat.com

Thứ tự	Tên dự án	Địa điểm	Công suất (1.000 T/n)
3	Nhà máy sản xuất sơn cao cấp (Bao gồm cả sơn kỹ thuật và sơn trang trí) (Phương án)	Thừa Thiên - Huế	10
4	Nhà máy sản xuất sơn tĩnh điện cao cấp (Phương án)	Quảng Nam	3
5	Nhà máy sản xuất nguyên liệu nhựa alkyd, acrylic (Phương án)	Cụm hóa dầu Dung Quất hoặc Thanh Hóa	20
Tổng vốn đầu tư vào nhóm III Giai đoạn đến 2010 (Ước tính)		2.820 tỷ VNĐ	
GIAI ĐOẠN SAU 2010:			
• Các dự án sản xuất pin - ắc quy			
1	Đầu tư sản xuất pin Ion-Li (Phương án)	Cty Pin - Ắc quy miền Nam, hoặc Cty Pin Hà Nội	5 triệu sản phẩm/năm
2	Đầu tư sản xuất ắc quy cho ô tô lai điện và ô tô điện (Phương án)	Cty Pin - Ắc quy miền Nam hoặc Cty Ắc quy tia sáng Hải Phòng	500.000 KWh
Tổng vốn đầu tư vào nhóm III		550 tỷ VNĐ - 700 tỷ VNĐ	